

Bản án số: 10/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 12-7-2017

V/v: tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thiên Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Huy Cự - nghề nghiệp: Cán bộ nghỉ hưu

2. Bà Nguyễn Thị Hà - nghề nghiệp: Giáo viên nghỉ hưu

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Dương Hồng Tuấn, thư ký Tòa án nhân dân huyện G, TP Hà Nội

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm tham gia phiên tòa:* :
Ông Lưu Văn A - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2017 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2017/QĐXX-ST ngày 01 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Đinh Huy T; Sinh năm 1979; Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn C, xã C, huyện G, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: công nhân Công ty TNHH X. “Có mặt”.

2. *Bị đơn:* Chị Dương Thị N, sinh năm 1983, đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã C, huyện G, thành phố Hà Nội. “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/01/2017 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Đinh Huy T trình bày: Tôi và chị Dương Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện G, thành phố Hà Nội ngày 03/01/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị N bắt đầu có dấu hiệu chơi đánh bạc, mang con đi đánh bạc suốt đêm, khiến cháu phải ngủ lang thang, tôi nhắc nhở nhiều nhưng chị N không thay đổi. Tháng 1/2016 chị N đã đem xe máy nhãn hiệu Lead (tôi không nhớ biển kiểm soát) là tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân đi cầm đồ mà không có sự đồng ý của tôi, chiếc xe này chị N đã từng cầm đồ 2 lần về sau không chuộc được nên phải bán đi. Người nhận cầm đồ chiếc xe này là anh V (Tôi không rõ họ tên, tuổi) địa chỉ: xóm Mới, thôn C, xã C,

huyện G, TP. Hà Nội. Chị N làm nghề cắt tóc gội đầu, nhưng không bao giờ có tiền, tiền thuê nhà mở cửa hàng không trả, đồ đạc thì bị người ta thu hồi, cửa hàng phải đóng. Tôi có góp ý là vợ chồng cãi nhau, có khi còn xô xát, mỗi lần như thế chị N lại viết đơn ly hôn, tôi ký nhiều nhưng không thấy chị N nộp. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng là khoảng tháng 3/2016 chị N bị 1 số người đến đòi nợ, ném mắm tôm vào nhà. Từ đó vợ chồng cãi, đánh chửi nhau nhiều, chị N bỏ đi, đến nay tôi không biết chị N ở đâu, từ khi chị N bỏ đi thì vợ chồng tôi sống ly thân với nhau luôn, không ai quan tâm đến ai nữa, thỉnh thoảng chị N vẫn về gặp và đón con, nhưng chị N không thông báo nơi ở cho tôi và gia đình biết. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, tôi xin được ly hôn với chị Dương Thị N.

Về con chung vợ chồng: tôi và chị N có 1 con chung tên Đinh Thanh T, sinh ngày 04/9/2007. Hiện nay cháu T đang ở với tôi. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu T. Tôi không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về điều kiện nuôi con: Hiện nay tôi đang làm thuê hút cát tại Công ty TNHH X, trụ sở công ty: Xóm 3, xã Đ, huyện G, TP. Hà Nội. Thu nhập bình quân 1 tháng 10.000.000 đồng. Hiện nay bố mẹ đẻ tôi tạo điều kiện cho tôi sống cùng bố mẹ tôi tại nhà đất của bố mẹ tôi tại thôn C, xã C, huyện G, TP Hà Nội, nên tôi có nơi ăn chốn ở ổn định. Tôi thấy mình có đủ điều kiện để chăm sóc và nuôi dưỡng con chung của tôi và chị N. Chị N không có công ăn việc làm ổn định, không có nhà đất riêng, ở đâu không ai biết. Quê quán chị N ở Kim Bảng, Hà Nam, ở quê chị N cũng không có nhà đất hay tài sản riêng gì. Hiện cháu T đang sinh sống, học tập ổn định tại thôn C, xã C, huyện G, thành phố Hà Nội cùng tôi và bố mẹ đẻ của tôi. Từ những điều kiện và hoàn cảnh trên, tôi đề nghị tòa giao con là cháu T cho tôi chăm sóc và nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Nếu tôi được nuôi cháu T, tôi không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con cho tôi.

Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: tôi không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn chị Dương Thị N suốt cả quá trình tố tụng duy nhất ngày 07/02/2017 chị N đã đến Tòa án nhân dân huyện G làm việc. Buổi làm việc Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho chị N, nhưng chị N không nhận Thông báo thụ lý vụ án, không ký nhận biên bản tổng đạt của Tòa, với lý do không muốn ly hôn. Tòa án đã giải thích quyền và nghĩa vụ, đọc Thông báo thụ lý vụ án cho chị N nghe, nhưng chị N vẫn không hợp tác và bỏ về. Địa phương và đương sự cung cấp chị N đã không còn sinh sống tại địa phương từ tháng 3/2016 đến khi Tòa án xác minh, chị N cũng không cung cấp địa chỉ mới cho anh T và gia đình anh T. Tòa án nhân dân huyện G đã làm thủ tục đăng thông tin công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định của pháp luật, cụ thể trên Đài tiếng nói Việt Nam các ngày 15, 16, 17/4/2017; tại Báo quân đội nhân dân các ngày 14, 15, 16/4/2017; tại Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân tối cao ngày 13/4/2017 nhưng chị Dương Thị N vẫn không đến Tòa án nhân dân huyện G để giải quyết vụ án. Do vậy, đến nay không có lời khai, quan điểm tại Tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Tòa án huyện G thụ lý vụ án đúng quy định; Thẩm phán tiến hành tố tụng, xác định quan hệ pháp luật đúng; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật, đảm bảo đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng. Các đương sự: nguyên đơn chấp hành quy định của pháp luật, bị đơn không hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án. Về đường lối giải quyết vụ án: do chị N đã bỏ đi từ tháng 3/2016 đến nay, chị N đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn với chị N. Về con chung: anh T và chị N có 01 con chung tên Đinh Thanh T, sinh ngày 04/9/2007, do chị N không hợp tác, không rõ chị đang sinh sống ở đâu, có nơi ở và công việc ổn định hay không chưa rõ, nên đề nghị HĐXX giao cháu T cho anh T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi cho cháu T. Anh T không yêu cầu cấp dưỡng, HĐXX không xem xét giải quyết. Về tài sản chung vợ chồng, anh T không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết. Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án do anh Đinh Huy T có đơn yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án. Thẩm quyền theo cấp xét xử thì Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Dương Thị N có nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng là xã C, huyện G, TP. Hà Nội, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thẩm quyền theo lãnh thổ là Tòa án nơi bị đơn cư trú nên Tòa án nhân dân huyện G thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2]. Về quan hệ tình cảm: Anh Đinh Huy T và chị Dương Thị N có đăng ký kết hôn ngày 03/01/2007 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện G, thành phố Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân: Anh T trình bày sau khi kết hôn anh T chị N chung sống hạnh phúc cho đến tháng 3/2016 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân nhau từ đó đến nay. Lời khai này của anh T phù hợp với lời khai của người làm chứng bà Trịnh Thị Phận mẹ đẻ anh T là từ năm 2015 anh T và chị N hay cãi nhau đánh nhau ầm ĩ và đến tháng 4/2016 thì chị N đã bỏ nhà đi đâu không rõ, phù hợp với chứng cứ chính quyền địa phương xã C cung cấp là khoảng tháng 3/2016 chị N bị một số người đến đòi nợ, ném mắm tôm vào nhà, và từ tháng 3/2016 đến nay chị N đã không còn sinh sống ở địa phương cùng anh T nữa, nên lời khai này của anh T có cơ sở chấp nhận và khẳng định từ tháng 3/2016 anh T và chị N nảy sinh mâu thuẫn về kinh tế, chị N bỏ nhà đi và anh T chị N đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay.

Từ những nhận định trên đủ cơ sở khẳng định chị N đã bỏ đi từ tháng 3/2016 đến nay, không thông báo nơi sinh sống cho anh T, chị N đã vi phạm nghiêm trọng

quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân của anh T chị N lâm vào tình trạng trầm trọng đến mức đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cần cho anh T được ly hôn với chị N là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung vợ chồng: Anh T và chị N có 01 con chung tên Đinh Thanh T, sinh ngày 04/9/2007. Xét anh T có nơi sinh sống ổn định, có công việc và thu nhập ổn định với mức 10.000.000 đồng/tháng, cháu T đang học tập sinh sống ổn định với anh T tại xã C, hơn nữa cháu T có nguyện vọng ở với anh T, chị N hiện không rõ nơi sinh sống và thu nhập sẽ không đảm bảo quyền lợi về học tập và điều kiện sinh hoạt khác của cháu T, nên xét giao cháu T cho anh T nuôi dưỡng và chăm sóc sau khi ly hôn sẽ đảm bảo việc học tập, sinh sống ổn định của cháu T. Do anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, khi nào anh T có yêu cầu Tòa án sẽ xem xét giải quyết sau.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Anh T không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

[5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Đinh Huy T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31.12.2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đinh Huy T đối với chị Dương Thị N. Xử cho anh Đinh Huy T được ly hôn với chị Dương Thị N.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Thanh T, sinh ngày 04/9/2007 cho anh Đinh Huy T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con của chị N cho đến khi cháu T trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có yêu cầu mới.

Chị Dương Thị N không trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung vợ chồng: không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Đinh Huy T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai số AA/2010/2728 ngày 07/02/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện G, nay chuyển thành án phí.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Báo cho anh Đinh Huy T có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Dương Thị N vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h. Gia Lâm;
- Chi cục THADS h. Gia Lâm;
- TANDTP. Hà Nội;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vũ Thiên Hương

